

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ VĂN QUANG

PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG,
QUA THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI HUYỆN KBANG,
TỈNH GIA LAI

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

Thừa Thiên Huế, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: Tiến sĩ Lê Thị Phúc

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại:

Trường Đại học Luật,

Đại học Huế

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

MỤC LỤC

| | |
|---|----------|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI..... | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài..... | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài..... | 2 |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... | 2 |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... | 3 |
| 5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu..... | 3 |
| 6. Những đóng góp mới của luận văn | 4 |
| 7. Kết cấu của luận văn | 4 |
| Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG | 5 |
| 1.1 Khái quát dịch vụ môi trường..... | 5 |
| 1.1.1 Khái niệm môi trường, pháp luật về môi trường | 5 |
| 1.1.2 Khái niệm dịch vụ môi trường | 5 |
| 1.1.3 Đặc điểm dịch vụ môi trường | 5 |
| 1.2. Khái quát pháp luật về dịch vụ môi trường | 5 |
| 1.2.1. Khái niệm pháp luật về dịch vụ môi trường | 5 |
| 1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về dịch vụ môi trường | 6 |
| 1.3. Một số yếu tố tác động đến việc áp dụng pháp luật về dịch vụ môi trường.6 | |
| 1.3.1 Yếu tố kinh tế | 6 |
| 1.3.2 Yếu tố pháp luật | 7 |
| 1.3.3 Yếu tố áp dụng pháp luật | 7 |
| 1.3.4 Yếu tố phát triển bền vững..... | 7 |
| 1.3.5 Chủ thể tham gia DVMT..... | 7 |
| Kết luận Chương 1 | 8 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI..... | 8 |
| 2.1. Thực trạng pháp luật về dịch vụ môi trường | 8 |

| | |
|--|-----------|
| 2.1.1. Pháp luật hiện hành về dịch vụ môi trường..... | 8 |
| 2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật hiện hành về dịch vụ môi trường..... | 9 |
| 2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật về dịch vụ môi trường trên địa bàn huyện Kbang, tỉnh Gia Lai..... | 11 |
| 2.2.1. Tình hình áp dụng..... | 11 |
| 2.2.2. Những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng..... | 13 |
| 2.2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc..... | 13 |
| Kết luận Chương 2 | 14 |
| Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG | 14 |
| 3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật về dịch vụ môi trường..... | 14 |
| 3.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về dịch vụ môi trường | 15 |
| 3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về dịch vụ môi trường... 16 | 16 |
| Kết Luận Chương 3 | 20 |
| KẾT LUẬN | 21 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | |

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

- BĐKH: Biến đổi khí hậu
BVMT: Bảo vệ môi trường
BVTV: Bảo vệ thực vật
CPC: Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm
CTCN: Chất thải công nghiệp
CTNH: Chất thải nguy hại
CTR: Chất thải rắn
CTRNH: Chất thải rắn nguy hại
CTRSH: Chất thải rắn sinh hoạt
DVMT: Dịch vụ môi trường
ĐMC: Đánh giá môi trường chiến lược
ĐTM: Đánh giá tác động môi trường
KNK: Khí nhà kính
KTXH: Kinh tế-xã hội
PTBV: Phát triển bền vững
QCKT: Quy chuẩn kỹ thuật
TN&MT: Tài nguyên và Môi trường
UBND: Ủy ban nhân dân
WTO: Tổ chức thương mại thế giới

MỞ ĐẦU

LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

DVMT là ngành kinh tế cung cấp dịch vụ đo lường, kiểm soát, hạn chế, phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; xử lý chất thải, các chất ô nhiễm khác; bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ khác có liên quan. Dịch vụ môi trường hiện đóng vai trò ngày càng quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt trong bối cảnh tự do hóa thương mại và tăng trưởng kinh tế toàn cầu mạnh mẽ trong những thập kỷ vừa qua. Bên cạnh đó, cùng với sự gia tăng dân số thế giới, xu hướng đô thị hóa và thay đổi trong hình thức tiêu thụ đã khiến môi trường phải chịu sức ép ngày càng tăng và phát triển DVMT đang là một nhu cầu hết sức bức xúc ở các quốc gia, bao gồm cả Việt Nam để giải quyết các áp lực về ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. DVMT ở Việt Nam phân loại thành 4 nhóm ngành bao gồm: (1) Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; (2) Thoát nước và xử lý nước thải; (3) Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu; (4) Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều vấn đề bức xúc, đặc biệt là sự xuống cấp của chất lượng môi trường. Ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên đang diễn ra gay gắt với mức độ phức tạp ngày càng gia tăng, làm thiệt hại lớn về kinh tế và gây ra nhiều hệ quả nghiêm trọng khác. Trong bối cảnh đó, nhu cầu về xử lý chất thải và cải thiện môi trường ngày càng cao, trong khi năng lực cung ứng DVMT và chất lượng DVMT còn thấp không đáp ứng được nhu cầu phát triển ngày càng nhanh của xã hội. Nguyên nhân chính là do khu vực tư nhân tham gia chưa nhiều, chỉ mới phát triển ở các thành phố lớn. Trước đây, các hoạt động làm sạch, khôi phục môi trường và bảo vệ tài nguyên được xem là những dịch vụ công, do chính phủ cung cấp. Nhưng hiện nay, do gánh nặng đối với ngân sách ngày càng lớn, cộng với một thực tế là các doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả nên chính phủ đã tìm cách xã hội hóa lĩnh vực DVMT và tạo ra các cơ chế khuyến khích tư nhân đầu tư vào lĩnh vực này. Như vậy, ở góc độ quản lý Nhà nước, sở dĩ dịch vụ này chưa phát triển là do chúng ta đang thiếu một hành lang pháp lý nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho việc hình thành, quản lý và phát triển các loại hình dịch vụ về môi trường.

Trong thời gian qua Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý phù hợp cho các hoạt động BVMT nói chung và thúc đẩy phát triển DVMT nói riêng. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành đã thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho thị trường DVMT phát triển, cho việc thành lập các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực DVMT. Tuy nhiên, các chính sách hiện nay còn chưa đầy đủ, chưa thống nhất và đồng bộ, nhiều quy định không rõ ràng, minh bạch; một số văn bản khi triển khai trên thực tế đã bộc lộ những bất cập, hạn chế.

Do vậy, nhu cầu đặt ra là rà soát, bổ sung và hoàn thiện các chính sách, pháp luật hiện hành nhằm hỗ trợ phát triển DVMT.

Vì vậy tôi lựa chọn đề tài: **“Pháp luật về DVMT, qua thực tiễn áp dụng tại huyện Kbang, tỉnh Gia Lai”** làm đề tài cho luận văn thạc sĩ luật kinh tế, với mong muốn tìm ra những bất cập và có những giải pháp, kiến nghị phù hợp, góp phần hoàn thiện pháp luật về DVMT nói chung và có những giải pháp áp dụng tại huyện Kbang nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của huyện trong giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

DVMT là lĩnh vực mới, được quy định đầu tiên theo Luật BVMT năm 2014, và được bổ sung theo Luật BVMT năm 2020, đến nay không có nhiều nghiên cứu liên quan đến DVMT, học viên kế thừa một số nghiên cứu về DVMT như sau:

* Võ Thị Kim Tuyền (2018), Pháp luật về phát triển DVMT ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ luật học tại Học viện khoa học xã hội-Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam:

* Nguyễn Duy Thái (2022), Phát triển thị trường DVMT ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Luận án tiến sĩ kinh tế tại Viện nghiên cứu chiến lược Chính sách công thương.

* Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về khung pháp luật môi trường của TS. Phạm Văn Lợi – Phó Viện trưởng Viện khoa học pháp lý-Bộ tư pháp;

* Một số bài viết liên quan

- Bài viết: Thực trạng các chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển DVMT của Việt Nam hiện nay và một số kiến nghị, đăng trên <https://tapchicongthuong.vn> của Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Hải Yến-Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường, Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Bài viết: Thực trạng các chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển DVMT của Việt Nam hiện nay và một số kiến nghị, đăng trên <https://tapchicongthuong.vn> của Võ Thị Kim Tuyền-Ban Nghiên cứu Môi trường và Phát triển Thương mại bền vững, Viện Nghiên cứu Thương mại - Bộ Công Thương;

- Bài viết: Chi trả DVMT - Tiếp cận khái niệm và vai trò, đăng trên <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/chi-tra-dich-vu-moi-truong-tiep-can-khai-niem-va-vai-tro-81470.htm> của TS. Phạm Thị Linh - Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Luận văn nhằm cung cấp luận cứ khóa học đề xuất một số định hướng, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về DVMT ở Việt Nam.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật về DVMT: Khái niệm dịch vụ, DVMT; khái niệm, đặc điểm, nội dung pháp luật về DVMT.

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật về DVMT.

Thứ ba, nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về DVMT trên địa bàn huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, từ đó chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

Thứ tư, đề xuất định hướng và giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về DVMT và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về DVMT từ thực tiễn áp dụng tại huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Lý luận về DVMT.

Chính sách pháp luật của Nhà nước về DVMT ở Việt Nam.

Thực tiễn thực hiện pháp luật về DVMT trên địa bàn huyện Kbang qua các báo cáo, số liệu thống kê.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian: Từ năm 2017 đến năm 2022
- Phạm vi địa bàn: Huyện Kbang, tỉnh Gia Lai
- Phạm vi nội dung: Các quy định của pháp luật về DVMT

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận

Đề tài được thực hiện trên cơ sở vận dụng các quan điểm của Đảng và Nhà nước về kinh tế và pháp luật kết hợp với phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê nin trong lĩnh vực DVMT.

5.2 Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp phân tích: phân tích các khái niệm, đặc điểm về DVMT. Phân tích các quy định pháp luật điều chỉnh về DVMT và thực tiễn áp dụng tại huyện Kbang, tỉnh Gia Lai để thấy rõ những hạn chế trong việc áp dụng các quy định này.

Sử dụng phương pháp tổng hợp, đối chiếu so sánh: Sau khi phân tích rõ những vấn đề liên quan đến DVMT, thì tiến hành tổng hợp rút ra được khái niệm tổng quát, những nội dung mang ý nghĩa bao hàm để người đọc dễ hiểu và nắm vấn đề. Thông qua đối chiếu so sánh các quy định qua các thời kỳ để thấy rõ sự phát triển của các quy định pháp luật về DVMT.

Sử dụng phương pháp thống kê: Luận văn sử dụng phương pháp thống kê để xử lý các số liệu từ các báo cáo về BVMT, DVMT để có cái nhìn khái quát về thực trạng pháp luật về DVMT.

Sử dụng phương pháp hệ hóa thống gắn với quá trình nghiên cứu về DVMT theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Thông qua các phương pháp được sử dụng, luận văn nghiên cứu các quy định pháp luật về DVMT và thực trạng áp dụng nhằm làm rõ những điểm còn bất cập của các quy định này để từ đó đề xuất những giải pháp hữu ích nhằm hoàn thiện pháp luật về DVMT và góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng DVMT trong thời gian tới.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn đi sâu nghiên cứu một cách cụ thể, đầy đủ và toàn diện các quy định của pháp luật có liên quan đến DVMT ở cả phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật. Bên cạnh đó, luận văn cũng phân tích, đánh giá một cách khách quan những ưu điểm đã đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại đó để đề xuất các giải pháp sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về DVMT trong thời gian tới.

Luận văn tập trung nghiên cứu rõ về DVMT. Các quy định pháp luật điều chỉnh cho vấn đề này. Thông qua thực tiễn áp dụng các quy định này sẽ phát hiện được những vướng mắc, bất cập để đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và hạn chế bất cập.

Kết quả nghiên cứu đề tài là tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức liên quan trong việc nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về môi trường nói chung, pháp luật về DVMT nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, phần Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Nội dung Luận văn có kết cấu gồm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về dịch vụ môi trường

Chương 2. Thực trạng pháp luật về dvmt và thực tiễn áp dụng tại huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về dịch vụ môi trường

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

1.1 Khái quát dịch vụ môi trường

1.1.1 Khái niệm môi trường, pháp luật về môi trường

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này học viên áp dụng khái niệm môi trường theo Điều 3 Luật BVMT năm 2020: Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên.

Khung pháp luật môi trường là khái niệm tổng hợp dùng để chỉ một trật tự pháp luật tương ứng với một trật tự môi trường, bao gồm những nguyên tắc và định hướng cơ bản của chính sách môi trường đã được thể chế hóa và tổng thể các quy định trực tiếp tham gia điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực môi trường và các thiết chế bảo đảm thực thi pháp luật môi trường tương ứng.

1.1.2 Khái niệm dịch vụ môi trường

DMVT được xem là một ngành kinh tế mới không chỉ đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, mà quan trọng hơn là đóng góp vào cung cấp hàng hóa và dịch vụ giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường, BĐKH và suy giảm tài nguyên. Trong khi các doanh nghiệp đang gặp phải những thách thức trong việc đáp ứng các yêu cầu về môi trường trong xuất khẩu sang thị trường của các nước phát triển thì việc mở cửa thị trường DVMT sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện các yêu cầu này với chi phí thấp hơn.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này học viên sinh áp dụng khái niệm DVMT theo Điều 144 Luật BVMT năm 2020: *DVMT là ngành kinh tế cung cấp dịch vụ đo lường, kiểm soát, hạn chế, phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; xử lý chất thải, các chất ô nhiễm khác; bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ khác có liên quan.*

1.1.3 Đặc điểm dịch vụ môi trường

Là ngành kinh tế vì vậy nó là một bộ phận của nền kinh tế, mà cụ thể là tạo ra dịch vụ trong lĩnh vực môi trường. Những dịch vụ được cung cấp nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu, khắc phục hoặc xử lý các tác động xấu đến môi trường, qua đó bảo vệ một cách có hiệu quả môi trường sống của con người.

Có rất nhiều loại DVMT cả về nâng cao chất lượng môi trường, xử lý nguy hại môi trường và bảo tồn môi trường, làm giàu môi trường.

Là một công cụ hiệu quả trong BVMT và duy trì nguồn tài chính ổn định cho hoạt động BVMT.

Là dịch vụ nên phải có bên yêu cầu và bên cung ứng dịch vụ, 2 bên đều có mối quan hệ kinh tế với nhau, chịu ràng buộc bởi quy định của pháp luật.

1.2. Khái quát pháp luật về dịch vụ môi trường

1.2.1. Khái niệm pháp luật về dịch vụ môi trường

Pháp luật về DVMT bao gồm các nguyên tắc pháp lý, các quy phạm pháp luật điều chỉnh các dịch vụ đo lường, kiểm soát, hạn chế, phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; xử lý chất thải, các chất ô nhiễm khác; bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ khác có liên quan.

Pháp luật về DVMT bao gồm các nguyên tắc pháp lý, các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình cung cấp các dịch vụ nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế, ứng phó, khắc phục hoặc xử lý các tác động xấu đến môi trường, qua đó bảo vệ một cách có hiệu quả môi trường sống của con người.

1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về dịch vụ môi trường

Nội dung cơ bản của pháp luật nói chung và pháp luật về DVMT nói riêng bao gồm các nội dung cơ bản như quy tắc xử sự chung, quy định rõ ràng về quyền hạn, nghĩa vụ, đồng thời nêu rõ trách nhiệm của công dân, tổ chức, bao gồm những việc được làm là quyền hạn hợp pháp của công dân, tổ chức, những việc phải làm là nghĩa vụ của công dân, tổ chức, những việc không được làm là trách nhiệm của công dân, tổ chức.

Tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch nhằm hỗ trợ phát triển và quản lý thị trường DVMT, bao gồm: Dịch vụ tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; dịch vụ quan trắc, phân tích môi trường; dịch vụ giám định về môi trường đối với máy móc, thiết bị, công nghệ, giám định thiệt hại về môi trường; dịch vụ thiết kế, chế tạo, xây dựng hệ thống xử lý chất thải; dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; dịch vụ khắc phục và cải tạo môi trường; dịch vụ phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường; dịch vụ kiểm toán môi trường; góp phần thúc đẩy hình thành và phát triển mạng lưới doanh nghiệp DVMT trên phạm vi cả nước.

Khung chính sách pháp luật về phát triển DVMT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 09/8/2016, với các nội dung sau:

- Xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển DVMT.
- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng DVMT.
- Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với các lĩnh vực DVMT.
- Hoàn thiện hệ thống quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các lĩnh vực DVMT.
- Xây dựng mức đơn giá đối với các lĩnh vực DVMT.
- Hoàn thiện các quy định về chế tài xử lý đối với các tổ chức cung cấp DVMT vi phạm các quy định về điều kiện hoạt động, bảo đảm chất lượng DVMT.
- Chính sách hỗ trợ giải quyết những vấn đề môi trường lớn, bức xúc.

1.3. Một số yếu tố tác động đến việc áp dụng pháp luật về dịch vụ môi trường

1.3.1 Yếu tố kinh tế

Nền kinh tế ngày càng phát triển thì áp lực về BVMT càng lớn; hiện nay có nhiều địa phương mặc dù kinh tế phát triển tuy nhiên chưa chú trọng thực hiện công tác BVMT. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều “điểm nóng”, nhất là các khu tập trung nhiều hoạt động kinh tế - xã hội. Do vậy, phát triển kinh tế luôn đi kèm với ô nhiễm môi trường. Trong phát triển kinh tế bền vững luôn đặt câu yêu cầu gắn với BVMT, từ đó các chính sách phát luật của nhà nước ban hành điều chỉnh đến các DVMT nhằm mục tiêu BVMT.

1.3.2 Yếu tố pháp luật

Hệ thống pháp luật hoàn chỉnh sẽ giúp cho việc triển khai đồng bộ, thuận tiện, không chồng chéo; trên thực tế hệ thống pháp luật về DVMT ở nước ta hiện nay là một khái niệm mới, hệ thống pháp luật đang trong giai đoạn hình thành và hoàn thiện. Vì vậy, việc áp dụng pháp luật về DVMT hiện nay còn nhiều thách thức do hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh.

Và ngược lại, hệ thống pháp luật về DVMT chưa hoàn chỉnh, chậm được cải thiện sẽ dẫn đến việc thực thi pháp luật về DVMT lúng túng, không biết thực thi thế nào cho đúng, là một trở ngại trong việc thực thi pháp luật về DVMT.

1.3.3 Yếu tố áp dụng pháp luật

Việc tuân thủ áp dụng quy định của pháp luật cũng là một nội dung quan trọng trong việc áp dụng pháp luật nói chung và pháp luật về DVMT nói riêng. Trên thực tế trong quá trình phát triển DVMT có nhiều cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, cá nhân áp dụng tốt quy định của pháp luật, nhưng vẫn còn không ít trường hợp cố tình bỏ qua hoặc lợi dụng sơ hở của pháp luật để trục lợi.

Vì vậy ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân cũng là yếu tố quan trọng trong việc thực thi chính sách pháp luật về DVMT.

1.3.4 Yếu tố phát triển bền vững

BVMT là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động BVMT phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển. PTBV là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa 3 mặt của sự phát triển, bao gồm: Phát triển kinh tế (quan trọng nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (quan trọng nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm), BVMT (quan trọng nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên). Vì vậy, PTBV luôn được chú trọng trong quá trình xây dựng hệ thống chính sách pháp luật nói chung, pháp luật về DVMT nói riêng, có thể coi PTBV là nội dung cốt lõi, quyết định đến đề việc xây dựng và thực hiện pháp luật về DVMT.

1.3.5 Chủ thể tham gia DVMT

Các chủ thể tham gia DVMT bao gồm bên sử dụng DVMT, bên cung ứng DVMT và cơ quan quản lý, cơ quan thực thi pháp luật về DVMT là một trong những yếu tố tác động lớn đến việc áp dụng pháp luật về DVMT. Tác động có thể

mang tính tích cực hay tiêu cực phụ thuộc vào việc thực hiện DVMT của các chủ thể tham gia.

Kết luận Chương 1

Kinh tế ngày càng phát triển, đi kèm với nó là vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, gây ra nhiều hậu quả cho kinh tế và đời sống của con người, vì vậy vấn đề đặt ra là cần có các biện pháp để BVMT nhưng vẫn phải phát triển kinh tế. Từ đó các dịch vụ về môi trường vì 3 mục tiêu chính là đo lường chất lượng môi trường, giảm thiểu ô nhiễm và khắc phục ô nhiễm. DVMT từng bước được phát triển, nhiều doanh nghiệp được thành lập và hoạt động sôi nổi đã tạo ra nhiều thách thức trong khâu quản lý của nhà nước. Từ đó pháp luật về DVMT được hình thành và từng bước được hoàn thiện.

Nhìn chung, trong thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý phù hợp cho các hoạt động BVMT nói chung và thúc đẩy phát triển DVMT nói riêng. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành đã thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho thị trường DVMT phát triển như các quy định về đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm, xử lý nước thải, quản lý CTR, CTNH, kế hoạch xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng,... Cùng với đó là các cơ chế hỗ trợ về tài chính, thuế, đất đai,... cho việc thành lập các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực DVMT.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

2.1. Thực trạng pháp luật về dịch vụ môi trường

2.1.1. Pháp luật hiện hành về dịch vụ môi trường

Hiến pháp năm 2013 có những quy định về BVMT, là cơ sở cho việc ban hành các quy phạm pháp luật về môi trường. Điều 63 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà nước có chính sách BVMT; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động BVMT, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại”. Điều 53 quy định chế độ sở hữu toàn dân đối với cá thành phần môi trường quan trọng: “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. Điều 43 quy định quyền và nghĩa vụ: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ BVMT”. Điều 50 quy định nhiệm vụ BVMT là nhiệm vụ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước.

Luật BVMT được ban hành từ năm 1993, trong quá trình thực hiện được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi các Luật BVMT năm 2005, Luật BVMT năm 2014, hiện nay đang thực hiện bởi Luật BVMT năm 2020.

Ngoài các luật chuyên ngành về BVMT còn nhiều Luật chuyên ngành khác cũng điều chỉnh một số lĩnh vực liên quan đến môi trường như: Luật du lịch 2017, Luật thủy lợi 2017, Luật chăn nuôi 2018, Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015, Luật khí tượng thủy văn 2015, Luật tài nguyên nước 2015, Luật thuế BVMT 2010, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2021, Luật đa dạng sinh học 2008.

Dưới luật còn có các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành luật như Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ ngành, Nghị quyết của HĐND các cấp.

Pháp luật quy định về lĩnh vực môi trường ra đời sớm như chỉ tập trung vào điều chỉnh các hoạt động liên quan đến BVMT. Còn nội dung quy định của pháp luật về DVMT được đề cập đến lần đầu trong Luật BVMT năm 2014 tại Điều 150, tuy nhiên chỉ đề cập đến phát triển các DVMT. Luật BVMT 2020 đã có 3 Điều quy định về DVMT (Điều 138, Điều 144 và Điều 165), qua đó đã rõ được khái niệm về DVMT, chính sách phát triển DVMT, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp DVMT, quy định về giá DVMT.

Năm 2010 Chính phủ đã có Đề án phát triển DVMT từ năm 2010 theo Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 10/02/2010, thực hiện đến năm 2016 đã có Khung chính sách pháp luật về phát triển DVMT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 09/8/2016, tuy nhiên các quy định chỉ dừng lại ở chính sách phát triển DVMT, tới năm 2014 mới được quy định vào Luật BVMT 2014 và Luật BVMT 2020. Các nội dung đưa vào luật chỉ mang tính định hướng để hoàn thiện trong tương lai chứ không có Luật chuyên ngành về DVMT.

2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật hiện hành về dịch vụ môi trường

**** Ưu điểm***

Pháp luật về BVMT được hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, hệ thống pháp luật luôn được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quá trình phát triển phù hợp với tình hình đất nước ta là nước đang phát triển. Từ đó nhận thức về DVMT cũng từng bước được quan tâm, đề cập, nghiên cứu và phát triển, từng bước đưa quy định về DVMT vào khuôn khổ pháp luật.

Hệ thống pháp luật về môi trường ở nước ta đã phát triển cả nội dung và hình thức, điều chỉnh tương đối đầy đủ các thành tố tạo nên môi trường. Hệ thống các tiêu chuẩn của môi trường cũng đã được ban hành làm cơ sở cho việc kiểm soát, đánh giá tác động môi trường. Các văn bản pháp luật được ban hành bước đầu đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước về BVMT, nâng cao nhận thức của cơ quan nhà nước, tổ chức, công dân đối với vấn đề môi trường.

Những quy định pháp luật về BVMT được ban hành mà thông qua đó Nhà nước tác động trực tiếp hay gián tiếp đến ý thức, trách nhiệm BVMT của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội để họ tự giác hoặc bắt buộc phải tuân theo pháp luật

về BVMT, thông qua việc sử dụng các loại hình DVMT như là một giải pháp để đáp ứng các yêu cầu về BVMT. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế trong xã hội thành lập các đơn vị cung cấp DVMT nhằm tăng nguồn cung cho thị trường, đồng thời qua đó giải quyết được các vấn đề môi trường.

Pháp luật đã có quy định về ưu đãi, hỗ trợ phát triển DVMT bao gồm những quy định pháp luật mà Nhà nước ban hành để hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thành lập các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp DVMT hoạt động và phát triển. Qua đó nhằm tăng số lượng cung cho thị trường DVMT, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sử dụng DVMT của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Có quy định pháp luật về quản lý chất lượng DVMT, đây là những quy định pháp luật mang tính chất quản lý hành chính nhà nước, trong đó các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường sử dụng các biện pháp nghiệp vụ quản lý như cấp phép, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các đơn vị cung cấp DVMT nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về điều kiện hoạt động cũng như không đảm bảo chất lượng của DVMT. Nội dung pháp luật về quản lý chất lượng DVMT dựa trên nguyên tắc đảm bảo PTBV.

Có quy định pháp luật về giá DVMT, trong nền kinh tế thị trường, để một ngành dịch vụ nào đó phát triển thì điều quan trọng tiên quyết đó chính là giá dịch vụ. Giá phải phù hợp với chất lượng cũng như nhu cầu của thị trường. Do đó, những quy định pháp luật về giá DVMT sẽ tạo động lực cho thị trường DVMT phát triển, thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực DVMT, đồng thời nhằm hướng tới việc áp dụng đầy đủ giá DVMT theo nguyên tắc thị trường, trong đó, người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người hưởng lợi từ tài nguyên và môi trường phải có nghĩa vụ đầu tư trở lại cho BVMT. Qua đó, từng bước xóa bỏ bao cấp của Nhà nước qua giá, phí đối với các DVMT công ích; bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị cung cấp DVMT.

*** Hạn chế**

Pháp luật về DVMT chỉ mới được quy định trong luật, chưa có văn bản pháp luật chuyên sâu về DVMT, vì vậy trong thực tiễn phát triển DVMT phải áp dụng nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành khác có sự điều chỉnh dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong khâu quản lý của nhà nước, việc chấp hành của tổ chức, cá nhân hoạt động có liên quan đến DVMT.

DVMT là lĩnh vực mới, tuy nhiên là một nội dung hết sức quan trọng, là một ngành kinh tế trọng tâm trong tổng thể phát triển kinh tế của đất nước, tuy nhiên hệ thống pháp luật điều chỉnh được nghiên cứu, xây dựng chưa tương xứng với tốc độ phát triển của DVMT.

Nhiều quy định của pháp luật về BVMT nói chung, DVMT nói riêng còn nhiều bất cập, chồng chéo, cùng là một lĩnh vực tuy nhiên lại phân công trách nhiệm của nhiều bộ ngành liên quan quản lý gây mất nhiều thời gian trong quá trình thực hiện.

Chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa các quy định về phát triển kinh tế, PTBV với các quy định về DVMT. Yếu tố môi trường chưa thực sự được coi trọng và tính đến nhiều trong quá trình xây dựng và ban hành luật như các vấn đề về thương mại, đầu tư và phát triển kinh tế bởi những đòi hỏi bức xúc về phát triển kinh tế. Hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế còn chưa tính đến chi phí môi trường trong sản xuất kinh doanh. Còn thiếu vắng những công cụ kinh tế nhằm BVMT như lệ phí môi trường, thuế môi trường, người gây ô nhiễm phải trả tiền, khắc phục ô nhiễm môi trường... làm cho DVMT không phát huy được sự kích thích từ góc độ kinh tế đối với những chủ thể cung cấp DVMT cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các chủ thể sản xuất kinh doanh chưa quan tâm đến việc sử dụng các DVMT.

Các chế tài chưa thích hợp và chưa đủ mạnh để trừng trị và răn đe những hành vi vi phạm quy định về thực hiện các DVMT. Vì vậy, nghĩa vụ đánh giá kết quả BVMT từ hoạt động DVMT của các chủ thể tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hầu như còn hình thức. Các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường, sinh thái như gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, chặt phá rừng... vẫn tiếp tục diễn ra, không được ngăn chặn triệt để.

Pháp luật về trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực DVMT chưa có quy định cụ thể, khó áp dụng. Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự các trường hợp vi phạm quy định trong lĩnh vực DVMT chưa được quy định cụ thể.

DVMT được quy định trong nhiều văn bản luật của các ngành, lĩnh vực khác nhau dẫn đến quá trình nghiên cứu, phát triển dịch vụ còn nhiều khó khăn, yêu cầu cá nhân, tổ chức phải có sự am hiểu, nghiên cứu sâu rộng để nắm bắt hết quy định của pháp luật trong cung cấp DVMT.

Hiện trạng DVMT của Việt Nam được nhận định còn sơ khai, chỉ mới định hình rõ và phát triển ở lĩnh vực chất thải và nước thải với tham gia của các doanh nghiệp Nhà nước.

2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật về dịch vụ môi trường trên địa bàn huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

2.2.1. Tình hình áp dụng

Kbang là huyện miền núi vùng sâu, vùng xa, cách trung tâm tỉnh Gia Lai (thành phố Pleiku) khoảng 90 km về phía Tây, phía Đông giáp huyện Vĩnh Thạnh tỉnh Bình Định và huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi; phía Tây giáp Huyện Mang Yang, Đăk Đoa; phía Bắc giáp huyện Kon PLông, tỉnh Kon Tum; phía Nam giáp Thị xã An Khê. Huyện có 13 xã và 01 thị trấn. Toàn huyện có 18.180 hộ với 72.093 khẩu, Trong đó: số hộ DTTS trên địa bàn huyện là 9.003 hộ (*chiếm tỷ lệ 49,52 % số hộ toàn huyện*) 35.957 khẩu (*Chiếm tỷ lệ 49,87% dân số toàn huyện*) với 20 thành phần dân tộc thiểu số gồm: Bahnar chủ yếu, Jrai, Tày, Thái, Nùng, Mường, Dao, Hoa, Xê Đăng, H'Mông, Sán Chay, Ê Đê, Hrê, Sán Diu, Giẻ Triêng, Thổ, Co (mạ), Cơ Ho, Kơ Me, Pà Thẻn.

Kết quả điều tra, rà soát năm 2022, mức sống, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện là 42 triệu đồng/người/năm. Tổng số hộ nghèo là 2.542 hộ, chiếm tỷ lệ 13,98%; hộ cận nghèo là 3.127 chiếm tỷ lệ 17,20% tổng số hộ dân cư

trên địa bàn, trong đó hộ nghèo người đồng bào DTTS là 2.310 hộ chiếm tỷ lệ 25,66% tổng số hộ DTTS huyện; số hộ cận nghèo ĐB DTTS là 2.450 hộ, chiếm tỷ lệ 27,21% tổng số hộ DTTS huyện. Huyện có 01 xã ĐBK và 33 thôn, làng ĐBK được phê duyệt tại Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc.

Huyện có mật độ dân cư thưa thớt (35,99 người/km²), là huyện có tài nguyên rừng vào loại giàu nhất Tây nguyên với diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 128.466,97 ha, gồm 124.070,86 ha đất có rừng và 4.396,21 ha đất chưa có rừng. Rừng Kbang có khu hệ động vật, thực vật phong phú, đa dạng và mang tính chuyển tiếp của khu hệ Bắc Trường Sơn với sinh cảnh rừng thường xanh, mưa ẩm nhiệt đới nằm trên cao nguyên Kon Hà Nừng. Rừng trên địa bàn huyện Kbang được giao cho các Ban quản lý, Công ty TNHH MTV LN quản lý, trong đó có Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên lớn của tỉnh Gia Lai.

Điều kiện tự nhiên môi trường còn trong sạch, chưa có các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường lớn. Tuy nhiên, trong quá trình sinh sống của con người tại đây vẫn phát sinh một số vấn đề liên quan đến môi trường cần quan tâm như: quản lý nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải y tế; DVMT rừng; ô nhiễm không khí do sử dụng thuốc BVTV trong nông nghiệp, rác thải vỏ bao bì thuốc BVTV; quản lý, cấp nước sinh hoạt.

Mặc dù trên địa bàn chưa phát sinh vấn đề lớn gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên vẫn xảy ra các hoạt động gây tổn hại đến môi trường: nhiều hộ kinh doanh, hộ dân vẫn xả thải nước sinh hoạt trực tiếp ra sông, suối, không thông qua xử lý; rác thải y tế xử lý theo mô hình đốt tiêu hủy tại chỗ nên chưa bền vững; tình trạng người dân sử dụng thuốc BVTV trong nông nghiệp còn nhiều, nguy cơ gây ô nhiễm không khí cao.

Trên địa bàn chưa có doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ về môi trường, việc xử lý các vấn đề về môi trường chủ yếu do chính quyền trực tiếp điều hành thực hiện chưa có doanh nghiệp cung cấp DVMT. UBND huyện thành lập Trạm quản lý thủy nông để quản lý vận hành hệ thống nước sinh hoạt, nước phục vụ thủy lợi của huyện, thành lập Ban quản lý công trình đô thị để thực hiện việc thu gom xử lý rác thải trên địa bàn thị trấn. Việc thu gom xử lý rác thải ở các xã do UBND xã xây dựng phương án và thực hiện theo mô hình hố rác hộ gia đình hoặc thu gom và đổ ở bãi rác tập trung và xử lý theo hình thức chôn lấp hoặc đốt, chưa có dịch vụ xử lý đảm bảo chất lượng môi trường.

Trên địa bàn huyện có 4 doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trang trại chăn nuôi heo, gà, bò; các doanh nghiệp thực hiện mô hình khép kín, tự thực hiện công tác xử lý nước thải theo quy định, định kỳ được kiểm tra, đánh giá và công nhận. Việc thực hiện theo quy định của Luật chăn nuôi 2018, Điều 38 quy định điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: phải có biện pháp BVMT đáp ứng quy định của pháp luật về BVMT. Trên cơ sở đó các doanh nghiệp đầu tư chăn nuôi chủ động triển khai các giải pháp nhằm BVMT theo dự án chăn nuôi được phê duyệt. Việc thực hiện các giải pháp BVMT có thể doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê dịch

vụ từ các doanh nghiệp khác, đa số là tự thực hiện, việc thuê doanh nghiệp khác chủ yếu là thuê lắp đặt các thiết bị chứ chưa thuê trọn gói để thực hiện dịch vụ về BVMT.

Cộng đồng tham gia BVMT: tuy chưa phải là DVMT, tuy nhiên thông qua công tác tuyên truyền, vận động người dân từng bước nâng cao ý thức về BVMT, không xả rác ra nơi công cộng, không xả nước thải chăn nuôi ra nguồn nước sinh hoạt; tham gia các hoạt động BVMT cộng đồng như thu gom xử lý rác thải ở nơi công cộng, trồng cây xanh ven đường, nhà văn hóa, khuôn viên nhà ở, khơi thông cống rãnh.

Với diện tích rừng lớn, thực hiện Luật lâm nghiệp 2017 toàn bộ diện tích rừng của huyện đều cung cấp các DVMT rừng như: bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; điều tiết, duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội; hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch; cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên, nguồn nước từ rừng và các yếu tố từ môi trường, hệ sinh thái rừng để nuôi trồng thủy sản.

2.2.2. Những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng

Trên địa bàn huyện có nhiều yếu tố liên quan đến DVMT nhằm BVMT, tuy nhiên việc triển khai các DVMT chưa được quan tâm thực hiện ngoài DVMT rừng.

Phòng Tài nguyên-môi trường là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác BVMT tuy nhiên trong lĩnh vực của Phòng chưa có bộ phận theo dõi, tham mưu trong lĩnh vực DVMT, có thể cho thấy DVMT là lĩnh vực mới, chưa được quan tâm chú trọng trong việc triển khai thực hiện, trong khi nhiệm vụ BVMT là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế. Đây cũng là một hạn chế lớn trong việc phát triển DVMT tại địa phương.

Chưa có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện cung ứng DVMT nhằm thực hiện công tác BVMT như thu gom, xử lý rác thải; xử lý rác thải bao, bì thuốc BVTV; bảo vệ, cung cấp nước sinh hoạt; xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải trong chăn nuôi;...

Triển khai BVMT cộng đồng còn nhiều hạn chế, việc thu gom xử lý rác thải sinh hoạt ở thị trấn và khu vực trung tâm được đầu tư dịch vụ thu gom xử lý, còn các xã vùng sâu, vùng xa chưa có DVMT.

Việc xử lý các vấn đề về BVMT chủ yếu do chính quyền điều hành và thực hiện, chưa có doanh nghiệp làm DVMT.

2.2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc

Nhà nước bố trí nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường để thực hiện các nhiệm vụ BVMT và nguồn kinh phí này chưa tương xứng với nhu cầu thực hiện các hoạt động BVMT vì vậy chưa kích thích được các doanh nghiệp tham gia thực hiện DVMT nhằm mục tiêu BVMT, chưa có điều kiện xã hội hóa trong công tác BVMT.

Các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội đều có nội dung đánh giá tác động môi trường tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện công tác đánh giá còn mang tính hình thức, khâu thẩm tra, thẩm định chưa thực sự được quan tâm; chế tài cho việc thực hiện chưa rõ ràng, dẫn đến công tác đánh giá tác động môi trường của các chương trình, dự án chưa được xem trọng.

Trên địa bàn huyện chưa có các nguồn ô nhiễm lớn cần công nghệ xử lý tiên tiến của các doanh nghiệp cung cấp DVMT; có thể trong tương lai cần phát triển sử dụng các dịch vụ này.

Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường còn hạn chế, cần bố trí kinh phí chi sự nghiệp môi trường để hỗ trợ cộng đồng thực hiện công tác BVMT, vì hiện nay chưa có cơ chế sử dụng DVMT trong việc xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải nông nghiệp ở các xã vùng sâu, vùng xa.

Kết luận Chương 2

Pháp luật về DVMT là lĩnh vực còn mới, chưa có các quy định cụ thể về việc áp dụng các DVMT, vì vậy việc áp dụng pháp luật về DVMT chủ yếu trên cơ sở quy định của pháp luật về BVMT và nhiều pháp luật chuyên ngành liên quan về BVMT chứ chưa có pháp luật chuyên ngành về DVMT.

DVMT có thể hiểu theo nhiều cách như các tổ chức, cá nhân cung cấp DVMT, các doanh nghiệp phát triển kinh tế tự thực hiện DVMT, cộng đồng, hộ gia đình tự thực hiện DVMT. Trên thực tế công tác BVMT chủ yếu do doanh nghiệp, cộng đồng, hộ gia đình tự thực hiện, việc sử dụng DVMT của tổ chức, cá nhân cung cấp DVMT chưa thực sự phát triển.

Mặc dù Chính phủ đã có Đề án phát triển DVMT từ năm 2010 theo Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 10/02/2010, thực hiện đến năm 2016 đã có Khung chính sách pháp luật về phát triển DVMT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 09/8/2016, tuy nhiên các quy định chỉ dừng lại ở chính sách phát triển DVMT, tới năm 2014 mới được quy định vào Luật BVMT 2014 và Luật BVMT 2020. Các nội dung đưa vào luật chỉ mang tính định hướng để hoàn thiện trong tương lai chứ chưa có quy định chuyên ngành về DVMT.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật về dịch vụ môi trường

Cần có chính sách để khuyến khích doanh nghiệp phát triển các DVMT, tạo động lực để doanh nghiệp đầu tư các công nghệ tiên tiến vào thực hiện các DVMT, phát triển DVMT cần gắn với mục tiêu PTBV.

Từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý để quá trình thực hiện DVMT được thông suốt, không chồng chéo, trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động trong các lĩnh vực DVMT.

- Phát triển DVMT phải gắn với PTBV gồm PTBV về KTXH, tài nguyên thiên nhiên, các DVMT phải luôn hướng tới sự bền vững của môi trường nhằm mục tiêu BVMT.

- Xã hội hóa các loại hình DVMT: Trên thế giới, trước đây các hoạt động làm sạch, khôi phục môi trường và bảo vệ tài nguyên được xem là những dịch vụ công, do các Chính phủ cung cấp. Nhưng hiện nay, do gánh nặng đối với ngân sách ngày càng lớn, cộng với một thực tế là các doanh nghiệp nhà nước hoạt động chưa thực sự hiệu quả, Chính phủ các nước đã tìm cách xã hội hoá lĩnh vực DVMT bằng cách ban hành các chính sách, pháp luật nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực DVMT. Việt Nam đang trong quá trình mở cửa hội nhập quốc tế cho nên cũng không nằm ngoài xu thế đó.

- Phù hợp với quy luật kinh tế thị trường: Xu thế hội nhập quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng trong lĩnh vực môi trường nói chung, DVMT nói riêng đã buộc các nước đang phát triển phải mở cửa đón nhận các nhà đầu tư nước ngoài để tranh thủ kinh nghiệm, thu hút nguồn vốn ngoại tệ và chuyển giao khoa học công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển. Do đó, để phát triển DVMT phù hợp với xu thế chung của thế giới, các nước phải tiến hành sửa đổi và hoàn thiện pháp luật về phát triển DVMT theo hướng mở, tạo môi trường pháp lý thuận lợi và an toàn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Để làm được điều này, trước tiên, phát triển DVMT phải đảm bảo nguyên tắc chung của ngành dịch vụ đó là không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế trong nước hay nước ngoài, giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước. Đảm bảo môi trường tự do kinh doanh, minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Hay nói cách khác, các Chính phủ phải đảm bảo quy luật phát triển của nền kinh tế thị trường trong các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hiện nay, theo điểm d khoản 1 Mục I Điều 1 của Quyết định số 1570/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 9 tháng 8 năm 2016 về phê duyệt khung chính sách, pháp luật về phát triển DVMT quy định như sau: “Chính sách, pháp luật về phát triển DVMT phải thực hiện theo lộ trình và bước đi phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của đất nước; tuân thủ các quy luật của nền kinh tế thị trường, bảo đảm môi trường tự do kinh doanh, minh bạch, bình đẳng giữa các chủ thể đầu tư, cung cấp dịch vụ và tính đồng bộ trong hệ thống chính sách, pháp luật”. Như vậy, Nhà nước ta cũng đã thừa nhận pháp luật về phát triển DVMT phải theo quy luật của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, tại điểm c khoản 1 Mục I Điều 1 của Quyết định số 1570/QĐ-TTg cũng quy định Nhà nước có chính sách thành lập một số tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước đủ mạnh để giải quyết những vấn đề môi trường lớn, bức xúc của đất nước. Có thể thấy, pháp luật về phát triển DVMT ở Việt Nam đã xác định rất rõ tính phù hợp với quy luật kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Hội nhập, hợp tác quốc tế trong phát triển DVMT.

3.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về dịch vụ môi trường

Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn quá trình thực hiện DVMT để đúc kết, rút kinh nghiệm từ đó ban hành chính sách pháp luật về môi trường nói chung và DVMT nói riêng phù hợp. Hiện tại cũng chưa có cơ sở để ban hành Luật chuyên ngành về DVMT, nhưng cần thiết phải bổ sung các quy định về DVMT vào pháp luật BVMT và các luật chuyên ngành khác có liên quan đến BVMT.

Để có điều kiện thực hiện tốt DVMT nhằm mục tiêu BVMT cần rà soát các quy định về DVMT, BVMT của các văn bản luật quy định về DVMT chưa rõ ràng, chưa đồng nhất để hoàn chỉnh, bổ sung kịp thời. Nhà nước nên xây dựng chính sách để khuyến khích tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư vào phát triển các DVMT, từng bước đưa DVMT trở thành một ngành kinh tế quan trọng trong tương lai, nhằm thực hiện mục tiêu lớn về BVMT. Xây dựng một cơ chế giám sát các hoạt động DVMT nhằm mục tiêu các hoạt động môi trường phải thực hiện đúng quy định và phải mang lại hiệu quả.

Trong 10 năm tới, để đạt được mục tiêu PTBV đất nước, cần phải ngăn chặn được xu hướng ô nhiễm, suy thoái, từng bước cải thiện chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm của đa dạng sinh học; nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy nền kinh tế cac-bon thấp.

Các giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung pháp luật về phát triển DVMT:

- Hoàn thiện pháp luật về chính sách BVMT liên quan đến phát triển DVMT.
- Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ phát triển DVMT.
- Hoàn thiện pháp luật về quản lý chất lượng DVMT.
- Hoàn thiện pháp luật về giá DVMT.

3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về dịch vụ môi trường

Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về DVMT trước tiên cần thực hiện một số giải pháp để hoàn thiện thể chế hóa pháp luật về BVMT theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng.

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa quan điểm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành trong cơ chế hiến pháp và cơ chế pháp lý thông thường. Đối với cơ chế hiến pháp cần cụ thể hóa khoản 2, Điều 119 Hiến pháp năm 2013 để hoàn thiện thiết chế bảo đảm quyền con người; với các cơ chế pháp lý thông thường cần phải bảo đảm pháp chế trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện các chủ thể có hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường. Tăng cường vai trò giám sát của các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cũng như tổ chức, cá nhân và truyền thông đối với quá trình này. Nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật Không khí sạch ở Việt Nam để kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đang ô nhiễm trầm trọng hiện nay.

Thứ hai, cần tiếp tục thể chế hóa quan điểm PTBV vào pháp luật môi trường và các văn bản pháp lý liên quan theo hướng không chỉ hoàn thiện riêng một lĩnh vực pháp luật nào mà cần tiếp cận hoàn thiện đồng bộ pháp luật về PTBV theo nội hàm mở rộng đã được đề cập trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, với các trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nghiên cứu tổng thể khung chính sách, pháp luật về PTBV, hệ thống hóa, xây dựng thống nhất, đồng bộ các quy định về vấn đề này trong Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Bộ luật Lao động, Luật BVMT, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Đất đai, Bộ luật Lao động, Luật Biển Việt Nam..., trong đó quy định về ưu tiên đầu tư ngành nghề công nghệ cao, thân thiện môi trường; loại bỏ dự án gây ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, tiếp tục thể chế cụ thể, rõ ràng hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong BVMT. Cần đổi mới xây dựng hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường theo hướng đề cao trách nhiệm của cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về BVMT là Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh đó, cần thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ trong BVMT giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các bộ, cơ quan ngang bộ khác; các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan với ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giữa ủy ban nhân dân cấp tỉnh với ủy ban nhân dân cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã. Việc quy định về phân cấp, phân quyền rõ ràng sẽ giúp xác định được trách nhiệm pháp lý đối với từng chủ thể nếu không thực hiện có hiệu lực, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ pháp luật quy định.

Thứ tư, cần tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng về xã hội hóa hoạt động BVMT. Bên cạnh trách nhiệm của Nhà nước, cần gắn với nâng cao vai trò của các cấp ủy đảng, các nhà khoa học, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân trong hoàn thiện pháp luật về BVMT. Tăng cường, đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và đẩy mạnh sử dụng các công cụ kinh tế, cũng như các yếu tố thị trường, xã hội trong BVMT. Cần dựa trên nguyên tắc tiếp cận theo quyền để xây dựng các quy định cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư chủ động tham gia vào hoạt động BVMT. Ví dụ: công dân có quyền được sống trong môi trường trong lành, quyền được tiếp cận thông tin, quyền được tham vấn, quyền được giám sát, quyền được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện..., pháp luật phải bảo đảm các quyền này của công dân một cách thực chất khi tham gia vào quan hệ pháp luật môi trường.

Thứ năm, về chủ động ứng phó với BĐKH, cần nghiên cứu ban hành Luật Về ứng phó với BĐKH để thể chế đầy đủ hơn các quan điểm của Đảng, các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và đồng bộ cho thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu và nước biển dâng cũng như thúc đẩy hợp tác quốc tế về lĩnh vực này.

Thứ sáu, xây dựng hoàn thiện thể chế pháp lý về an ninh môi trường. Luật BVMT năm 2014 đã có quy định bước đầu về an ninh môi trường, tuy nhiên, Luật BVMT năm 2020 lại bỏ thuật ngữ “an ninh môi trường”, do đó, cần sớm bổ sung vấn đề này vào hệ thống pháp luật BVMT.

Thứ bảy, về an ninh nguồn nước, cần thể chế hóa quan điểm về an ninh nguồn nước trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào các quy định pháp luật. Luật BVMT năm 2020 chưa có quy định về an ninh nguồn nước. Do vậy, vấn đề này cần được bổ sung quy định trong Luật Tài nguyên nước năm 2012 sửa đổi tới đây, theo hướng bảo đảm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả tài nguyên nước. Quá trình sử dụng tài nguyên nước phải bảo đảm công bằng, hiệu quả, bền vững và dựa trên cơ sở thị trường và quản lý tổng hợp nguồn nước, bảo đảm nghiêm ngặt an ninh nguồn nước, nhất là nước sạch cho sinh hoạt. Bên cạnh đó, cần thể chế hóa quan điểm bảo vệ tài nguyên môi trường biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia, cần sớm được cụ thể hóa trong Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo và các văn bản pháp lý liên quan.

Thứ tám, hoàn thiện thể chế về mô hình phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Luật BVMT 2020 đã có quy định về vấn đề này như: sản phẩm dịch vụ thân thiện môi trường (Điều 145), mua sắm xanh (Điều 146), tín dụng xanh (Điều 149), trái phiếu xanh (Điều 50)... Phát triển kinh tế tuần hoàn đang là xu thế phát triển tất yếu của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Do vậy, cần xây dựng thể chế pháp lý về mô hình liên kết, hợp tác phát triển kinh tế tuần hoàn, tổ hợp phát triển kinh tế tuần hoàn. Vấn đề này bước đầu được ghi nhận trong khoản 11 Điều 5, Điều 142 Luật BVMT 2020. Do vậy, Chính phủ cần hướng dẫn cụ thể thực hiện điều luật này cũng như xây dựng, hoàn thiện pháp luật về BVMT.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về môi trường:

Thứ nhất, hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước: bộ máy quản lý nhà nước là yếu tố tiên quyết để đảm bảo được tính hiệu quả trong công tác BVMT. Hiện nay, bộ máy quản lý nhà nước về môi trường của Việt Nam còn công kênh, chức năng, nhiệm vụ phân tán cho nhiều Bộ ngành khiến cho quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn, bất cập. Tổ chức bộ máy trong Bộ TN&TM nói riêng và các Bộ, Ngành nói chung còn chông chéo về chức năng, phạm vi hoạt động. Việc phân cấp không rõ ràng giữa các đơn vị dẫn đến việc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan cũng như trong cùng một đơn vị. Do đó, cần tiến hành rà soát và phân định rõ vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực BVMT nói chung và phát triển DVMT nói riêng trong các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về BVMT để tránh chồng chéo lên chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan. Trong đó, Bộ TN&MT là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong lĩnh vực BVMT trên phạm vi toàn quốc. Vì vậy, Bộ TN&MT phải có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể để tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan trước khi ban hành các văn bản hướng dẫn để đảm bảo tính khả thi trên thực tế hạn chế được những rủi ro và tổn kém không cần thiết. Đồng thời, trong nội bộ từng cơ quan, việc đơn giản hóa bộ máy quản lý, tập trung quy về một đầu mối chịu trách nhiệm chính trong quản lý môi trường đảm bảo cho bộ máy quản lý gọn nhẹ, hiệu quả là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. Do đó, cần thiết phải rà soát kỹ lại chức năng, nhiệm vụ quản lý của từng Phòng/Ban trực thuộc các cơ quan của Bộ TN&TM. Trong đó, loại bỏ những bộ phận quản lý không thực sự cần thiết; sát nhập những bộ phận có chung cùng chức năng, nhiệm vụ và đồng thời có thể thành lập mới một số bộ phận do nhu cầu thực tiễn đặt ra.

Thứ hai, tăng cường năng lực cho đội ngũ quản lý nhà nước về môi trường: tăng cường năng lực nghiên cứu, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường có kiến thức tổng hợp về kinh tế, xã hội và môi trường. Bên cạnh những giải pháp khác về phát triển DVMT thì nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn là một trong những giải pháp quan trọng cần phải có kế hoạch triển khai thực hiện sớm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo chính quy về môi trường hiện nay còn yếu và thiếu, đặc biệt là các cán bộ có kiến thức chuyên sâu về kinh tế. Năng lực phân tích kinh tế trong lĩnh vực môi trường nói riêng và ngành TN&MT nói chung còn yếu và yếu tố kinh tế trong các chính

sách BVMT chưa được chú trọng. Chưa có mạng lưới các chuyên gia kinh tế hỗ trợ trong quá trình hoạch định chính sách môi trường. Vì vậy, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường cần phải thực hiện khẩn trương và mạnh mẽ, tập trung đào tạo nhóm cán bộ trong lĩnh vực môi trường ở các Bộ, ngành Trung ương và các cấp ở địa phương về kiến thức chuyên ngành môi trường. Do đó, việc thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ tham gia cung cấp DVMT là hết sức cần thiết nhằm cập nhật các quy định mới nhất của Nhà nước trong lĩnh vực DVMT cũng như cập nhật các kiến thức khoa học, công nghệ của các nước phát triển trên thế giới. Ở một số lĩnh vực khác đều đã có chương trình đào tạo riêng như Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ ngành thuế, ngành hải quan, ngành Tòa án... Vì vậy, trong thời gian tới cần thiết phải xây dựng khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tham gia cung cấp DVMT, phù hợp với từng loại hình dịch vụ.

Thứ ba, cải cách thủ tục hành chính: để triển khai mạnh mẽ các quy định pháp luật về phát triển DVMT cần phải đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cải cách theo cơ chế "một cửa", mẫu hóa các văn bản hành chính, giấy tờ, công khai các thủ tục hành chính trên các Website chính thức của Bộ TN&TM. Đối với các thủ tục hành chính như kê khai, cấp phép hoạt động các loại hình DVMT, thu nộp thuế, phí rác thải v.v... cần phải được đơn giản hoá, công khai, tránh rườm rà, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp DVMT tiếp cận. Tránh tình trạng một số cán bộ quản lý nhà nước lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để gây khó khăn, cản trở các doanh nghiệp DVMT khi họ thực hiện các hoạt động đăng ký kinh doanh. Giải pháp này đảm bảo hạn chế sự sách nhiễu, phiền hà và lãng phí tiền của cho người dân, doanh nghiệp và đồng thời tiết kiệm ngân sách cho Nhà nước.

Thứ tư, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường: thực hiện nghiêm Quyết định số 1788/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020, Đề án tổng thể BVMT làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về tầm quan trọng của việc phát triển DVMT.

- Giải pháp về nguồn lực hỗ trợ phát triển DVMT: đề huy động nguồn lực hỗ trợ phát triển DVMT.

- Giải pháp về khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong phát triển DVMT:

Thứ nhất, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ Trong thời gian vừa qua, hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về BVMT đã được đẩy mạnh triển khai ở Trung ương và địa phương, qua đó góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong lĩnh vực BVMT nói chung và phát triển DVMT nói riêng. Nhiều chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia,

cấp Bộ đã được triển khai thực hiện trong giai đoạn 2011-2015. Các kết quả nghiên cứu đã có nhiều đóng góp và áp dụng hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về BVMT, cung cấp cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn trong công tác xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật về BVMT, trong đó có nhiều văn bản pháp luật quan trọng về phát triển DVMT (như Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 9/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khung chính sách, pháp luật về phát triển DVMT dựa trên các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học của Bộ TN&MT về xây dựng, hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về phát triển DVMT ở Việt Nam thực hiện trong giai đoạn 2012 - 2013); xây dựng các giải pháp, mô hình BVMT hiệu quả. Đặc biệt, kết quả Chương trình khoa học và công nghệ KC.08/11-15 và Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường đã tạo ra bước tiến mới trong việc ứng dụng, triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong giám sát, phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường; nghiên cứu xây dựng và phát triển một số quy trình công nghệ thân thiện với môi trường trong xử lý ô nhiễm nước, đất và không khí.

Thứ hai, thu hút tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực về DVMT; tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm về phát triển DVMT.

- Hoàn thiện quy định về chi trả DVMT, xem chi trả DVMT là một công cụ kinh tế, đem lại nguồn lợi cho các bên liên quan. Trong điều kiện ngân sách nhà nước có hạn, lại phải chi trả cho nhiều hoạt động khác nhau, thì việc tạo lập một nguồn tài chính cho BVMT là cần thiết và chi trả DVMT được coi như một giải pháp đột phá mà trong thời gian tới, cần có sự quyết tâm hơn nữa từ phía chính phủ để vận hành hệ thống chi trả DVMT đồng bộ và hiệu quả.

Kết Luận Chương 3

Việc định hướng và đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về DVMT là một nhiệm vụ hết sức cần thiết trong bối cảnh hệ thống pháp luật hiện nay chưa có một khung pháp luật về BVMT nói chung và DVMT nói riêng hoàn chỉnh. Cần thiết phải tổ chức đánh giá Đề án phát triển DVMT đến năm 2020, qua đó bổ sung các giải pháp phù hợp với tình hình mới và tiếp tục xây dựng và thực hiện Đề án giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050, vì vấn đề BVMT gắn với PTBV là nội dung không thể thiếu để phát triển đất nước trong tương lai. Đánh giá khung chính sách pháp luật về môi trường và bổ sung, điều chỉnh, từng bước hoàn thiện khung pháp luật về BVMT nói chung và DVMT nói riêng, tạo thuận lợi cho việc quản lý của nhà nước, việc sử dụng và cung cấp DVMT của tổ chức, cá nhân nhằm mục tiêu BVMT và PTBV.

Với kết quả nghiên cứu các vấn đề lý luận ở Chương 2 và đánh giá thực trạng pháp luật về DVMT ở Chương 3 của Luận văn đã xác định được các nhu cầu, quan điểm và mục tiêu hoàn thiện pháp luật về phát triển DVMT ở Việt Nam. Từ đó, nghiên cứu đề xuất, kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về DVMT như sau:

Thứ nhất, những giải pháp để hoàn thiện nội dung pháp luật về DVMT gồm: (1) Hoàn thiện pháp luật về chính sách BVMT liên quan đến DVMT, trong đó có 03 giải pháp là xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chính sách xã hội hóa DVMT,

chính sách hỗ trợ giải quyết vấn đề môi trường lớn, phức tạp và xây dựng các quy định pháp luật nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp DVMT thông qua hình thức đấu thầu, cơ chế hợp tác công tư trong một số lĩnh vực DVMT; (2) Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ phát triển DVMT; (3) Hoàn thiện pháp luật về quản lý chất lượng DVMT; (4) Hoàn thiện pháp luật về giá DVMT.

Thứ hai, những giải pháp chung nhằm đảm bảo thực thi pháp luật về DVMT gồm: (1) Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về môi trường ở Việt Nam; (2) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về tầm quan trọng của việc phát triển DVMT; (3) Giải pháp về nguồn lực hỗ trợ phát triển DVMT; (4) Giải pháp về khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong phát triển DVMT. Đây là những biện pháp mang tính xúc tác giúp các quy định pháp luật về phát triển DVMT đi vào cuộc sống. Điều đó, góp phần không nhỏ trong việc hoàn thiện pháp luật về DVMT ở Việt Nam hiện nay cả về mặt lý luận và thực tiễn, phát huy được hiệu quả cũng như mục đích ban hành, bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện nội dung pháp luật, cần có các biện pháp hỗ trợ để đảm bảo tính khả thi của pháp luật trên thực tiễn.

KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm tới công tác BVMT nói chung, phát triển DVMT nói riêng và xem đây là một trong những nhiệm vụ cấp bách để đảm bảo PTBV trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay. Bên cạnh các văn bản định hướng, các cơ chế chính sách về DVMT được ban hành trong thời gian qua, Nhà nước cũng đã có nhiều quy định cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp DVMT. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành đã bước đầu tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho thị trường DVMT phát triển. Tuy nhiên, các chính sách pháp luật hiện nay nhìn chung còn thiếu, chưa đồng bộ, thống nhất và chưa tạo cơ hội, động lực để thu hút các doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực DVMT. Do đó, việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm hỗ trợ phát triển DVMT trong thời gian tới là hết sức cần thiết. Sau đây là một số kết quả đạt được của Luận văn:

1. Luận văn đã tổng hợp được các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế có nội dung liên quan đến đề tài luận văn. Đối với các công trình nghiên cứu trong nước, luận án đã phân chia theo từng góc độ và cấp độ nghiên cứu khác nhau để tổng hợp và nghiên cứu như: (1) tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan gián tiếp đến đề tài luận văn, trong đó có các công trình nghiên cứu dưới góc độ kinh tế môi trường và pháp luật về BVMT; (2) tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận văn. Trong đó, chủ yếu là các Báo cáo tổng hợp nghiên cứu của các Bộ, ngành về DVMT. Nhưng nhìn chung, cho đến nay, ở Việt Nam chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu “Pháp luật về DVMT” về mặt lý luận.

2. Luận văn đã phân tích và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận xoay quanh pháp luật về phát triển DVMT như: khái niệm về DVMT, phát triển DVMT, pháp luật về DVMT, pháp luật về phát triển DVMT; xác định rõ phạm vi điều chỉnh giữa pháp luật về DVMT với pháp luật về phát triển DVMT. Theo đó, Pháp luật về phát triển DVMT được quan niệm là một phần của pháp luật về DVMT, bao gồm các nguyên tắc pháp lý, các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình Nhà nước thực hiện các biện pháp tác động nhằm tăng số lượng và nâng cao chất lượng các loại hình DVMT. Qua đó, đáp ứng nhu cầu sử dụng DVMT của các tổ chức, cá nhân trong xã hội và tạo điều kiện để cho họ thực hiện tốt nghĩa vụ về BVMT.

3. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng được mở rộng thì mở cửa thị trường ngành DVMT trở thành một trong những nội dung quan trọng trong các đàm phán thương mại song phương và đa phương, cũng như các khuôn khổ hợp tác quốc tế. Một số cam kết quốc tế của Việt Nam có liên quan đến DVMT cũng được Luận án đề cập đến, đặc biệt là các cam kết trong khuôn khổ tổ chức WTO, ASEAN, APEC.... nhằm giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về pháp luật phát triển DVMT của Việt Nam. Đồng thời, Luận văn cũng đã tổng hợp, nghiên cứu pháp luật về phát triển DVMT của một số nước trên thế giới để từ đó có thể gợi mở một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

4. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển DVMT ở Việt Nam đã được Luận văn tổng hợp, phân tích, làm rõ đó là: (1) Các quy định pháp luật về chính sách BVMT liên quan đến phát triển DVMT; (2) Các quy định pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ phát triển DVMT; (3) Các quy định pháp luật về quản lý chất lượng DVMT; (4) Các quy định pháp luật về giá DVMT. Trong đó, tập trung nghiên cứu một số quy định pháp luật về điều kiện hoạt động đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nói chung, CTNH nói riêng; quy định pháp luật về chế tài xử lý đối với tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp một số loại hình DVMT vi phạm các quy định về điều kiện hoạt động, bảo đảm chất lượng DVMT; cách xác định mức giá của dịch vụ xử lý chất thải sinh hoạt. Vì đây là một trong những loại hình DVMT phổ biến nhất ở Việt Nam hiện nay.

5. Trên cơ sở phân lý luận pháp luật về phát triển DVMT; kinh nghiệm quốc tế cũng như thực trạng pháp luật về phát triển DVMT của Việt Nam hiện nay, chương cuối của Luận văn đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về DVMT trong thời gian tới dựa trên các quan điểm, chính sách, pháp luật về phát triển DVMT của Đảng, Nhà nước ta trong từng giai đoạn. Trong đó, pháp luật cần hướng tới mục tiêu chung đó là tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch nhằm hỗ trợ phát triển và quản lý thị trường DVMT, góp phần thúc đẩy hình thành và phát triển mạng lưới doanh nghiệp DVMT trên phạm vi cả nước. Qua đó, cung cấp dịch vụ BVMT cho các ngành, lĩnh vực, địa phương; tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực dịch vụ trong nền kinh tế, tạo thêm việc làm và hướng tới mục tiêu PTBV đất nước.

6. Trong tất cả các giải pháp mà luận văn đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật về DVMT, trước tiên cần ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định cụ thể của Luật BVMT năm 2020 về DVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng cần khẩn trương xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn thành lập doanh nghiệp DVMT thông qua hình thức đấu thầu, cơ chế hợp tác công tư để có cơ sở triển khai thực hiện trên thực tế.

Tiếp tục thực hiện khung chính sách pháp luật về DVMT theo Quyết định số Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung chính sách, pháp luật về phát triển DVMT; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo từng giao đoạn để có những điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển mới.

7. Pháp luật về giá DVMT là một trong những nội dung quan trọng nhất của pháp luật về DVMT và cần được Luật BVMT điều chỉnh. Do đó, các Bộ, ngành liên quan cần tiếp tục rà soát, triển khai xây dựng để sớm trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định pháp luật về giá đối với tất cả các loại hình DVMT để từng bước áp dụng đầy đủ giá, phí dịch vụ về môi trường theo nguyên tắc thị trường – người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường. Qua đó, xóa bỏ bao cấp của Nhà nước qua giá, phí đối với các DVMT công ích và bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị cung cấp DVMT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Hiến pháp 2013;
2. Luật BVMT 1993;
3. Luật BVMT 2005;
4. Luật BVMT 2014;
5. Luật BVMT 2020;
6. Luật giá 2012;
7. Luật chăn nuôi 2018;
8. Luật lâm nghiệp 2017;
9. Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT;
10. Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT;
11. Nghị quyết số 24-NQ-TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT;
12. Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án phát triển DVMT đến năm 2020”;
13. Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 20/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025”;
14. Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung chính sách, pháp luật về phát triển DVMT;
15. Quyết định số 27/2018/QĐ-TTG ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

II- TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG VIỆT

1. Võ Thị Kim Tuyền (2018), “Pháp luật về phát triển DVMT ở Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ luật học -Học viện khoa học xã hội-Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam;
2. Nguyễn Duy Thái (2022), “Phát triển thị trường DVMT ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”, Luận án tiến sĩ kinh tế-Viện nghiên cứu chiến lược Chính sách công thương;
3. Phạm Văn Lợi (2005), “Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về khung pháp luật môi trường”, Viện khoa học pháp lý-Bộ tư pháp;
4. Trần Huy Hoàn; Võ Thị Kim Tuyền (2016), “Ngành DVMT trong bối cảnh hội nhập kinh tế”, Công thông tin điện tử <https://www.thiennhien.net/2016/05/17/nganh-dich-vu-moi-truong-trong-boi-canhh-hoi-nhap-kinh-te/>, Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Công Thương;
5. Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Hải Yến (2017) “Thực trạng các chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển DVMT của Việt Nam hiện nay và

một số kiến nghị”, Công thông tin điện tử <https://tapchicongthuong.vn>, Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường, Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội;

6. Võ Thị Kim Tuyền (2017), “Thực trạng các chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển DVMT của Việt Nam hiện nay và một số kiến nghị”, Công thông tin điện tử <https://tapchicongthuong.vn>, Ban Nghiên cứu Môi trường và Phát triển Thương mại bền vững, Viện Nghiên cứu Thương mại - Bộ Công Thương;

7. Phạm Thị Linh (2021), “Chi trả DVMT - Tiếp cận khái niệm và vai trò”, Công thông tin điện tử <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/chi-tra-dich-vu-moi-truong-tiep-can-khai-niem-va-vai-tro-81470.htm>, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội;

8. Nguyễn Hồng Thao-Nguyễn Thị Xuân Sơn (2020), “Giáo trình Luật quốc tế về môi trường”, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội;

9. Hồ Thị Lam Trà, Lương Đức Anh, Cao Trường Sơn (2011), Giáo trình Quản lý môi trường:, Nhà xuất bản Đại học nông nghiệp;